

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh

Số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012
Đăng ký lần đầu: ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Lý Duy Hoàng	Thành viên
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên
Ông Lê Phụng Hào	(Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013) Thành viên (Thôi nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Hiếu	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2013)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Phước Vũ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính riêng

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để các báo cáo tài chính riêng không có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính riêng có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3844
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGÂN HẠN		4.288.691.574.352	2.687.785.701.677
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	163.502.687.316	62.322.761.267
111	Tiền		163.502.687.316	62.322.761.267
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			3.975.059.008
121	Đầu tư ngắn hạn			3.975.059.008
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.763.640.430.336	1.060.986.322.198
131	Phải thu khách hàng	4	1.461.495.129.149	851.514.345.464
132	Trả trước cho người bán	5	173.493.643.718	132.204.331.550
135	Các khoản phải thu khác	6	130.299.478.043	84.214.681.047
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.647.820.574)	(6.947.035.863)
140	Hàng tồn kho	7	2.125.679.208.524	1.346.471.979.331
141	Hàng tồn kho		2.126.570.098.340	1.348.257.580.603
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(890.889.816)	(1.785.601.272)
150	Tài sản ngắn hạn khác		235.869.248.176	214.029.579.873
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	59.400.280.788	24.941.573.704
152	Thuế GTGT được khấu trừ		156.371.440.445	181.182.026.226
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	836.185.561
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	20.097.526.943	7.069.794.382
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.825.726.447.003	2.618.397.191.638
220	Tài sản cố định		2.270.885.344.911	2.049.080.566.012
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.799.842.639.303	1.734.733.389.181
222	Nguyên giá		2.539.216.612.080	2.268.486.591.891
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(739.373.972.777)	(533.753.202.710)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	70.296.414.036	78.249.367.215
225	Nguyên giá		84.032.961.457	84.032.961.457
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.736.547.421)	(5.783.594.242)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	205.946.044.163	210.778.072.533
228	Nguyên giá		218.814.965.473	220.918.698.551
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.868.921.310)	(10.140.626.018)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(d)	194.800.247.409	25.319.737.083
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	505.732.331.634	505.732.331.634
251	Đầu tư vào công ty con		446.276.000.000	446.276.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		49.108.770.458	63.584.293.992
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	38.647.763.126	56.290.140.917
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	13	8.448.457.431	5.281.603.174
268	Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	2.012.549.901
270	TỔNG TÀI SẢN		7.114.418.021.355	5.306.182.893.315

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.846.313.039.006	3.255.130.650.996
310	Nợ ngắn hạn		4.275.999.268.615	2.649.950.276.006
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	2.813.966.562.869	2.031.073.752.460
312	Phải trả người bán	15	1.291.606.258.507	470.105.482.411
313	Người mua trả tiền trước		68.781.306.096	9.153.814.784
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	37.829.589.409	71.348.792.426
315	Phải trả người lao động		29.728.804.427	20.893.335.354
316	Chi phí phải trả	17	19.435.294.206	23.697.643.116
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	10.187.671.586	18.452.204.256
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.463.781.515	5.225.251.199
330	Nợ dài hạn		570.313.770.391	605.180.374.990
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	566.147.231.641	601.196.647.490
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		4.166.538.750	3.983.727.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.268.104.982.349	2.051.052.242.319
410	Vốn chủ sở hữu		2.268.104.982.349	2.051.052.242.319
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	21	(81.035.546.498)	(56.716.723.982)
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	2.007.734.351	2.148.326.909
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	879.156.291.073	637.644.135.969
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.114.418.021.355	5.306.182.893.315

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ như sau:

	Tại ngày 30 tháng 9	
	2013	2012
Đô la Mỹ	3.912.296,44	134.081,53
Đồng Euro	223,83	221,58
Đô la Úc	84,78	84,78

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	21.088.540.751.496	12.619.830.306.445
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.701.879.066)	(14.325.992.176)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	21.078.838.872.430	12.605.504.314.269
11	Giá vốn hàng bán	(19.623.508.945.055)	(11.375.653.501.501)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.455.329.927.375	1.229.850.812.768
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22(b) 153.911.101.809	113.585.114.098
22	Chi phí tài chính	24 (244.294.199.811)	(404.065.310.249)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(165.766.703.044)	(335.861.045.260)
24	Chi phí bán hàng	25 (428.747.629.257)	(337.646.105.793)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (288.914.910.770)	(218.616.359.161)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	647.284.289.346	383.108.151.663
31	Thu nhập khác	27 199.428.929.409	36.234.559.574
32	Chi phí khác	28 (163.225.799.527)	(30.083.781.517)
40	Thu nhập khác (số thuần)	36.203.129.882	6.150.778.057
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	683.487.419.228	389.258.929.720
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29 (80.670.557.845)	(27.562.434.241)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13, 29 3.166.854.257	410.373.877
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	605.983.715.640	362.106.869.356
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30 6.198	3.700



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu 2
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản:	683.487.419.228	389.258.929.720
02	Khâu hao tài sản cố định	229.160.859.384	212.417.240.760
03	Các khoản dự phòng	577.132.027	5.099.242.878
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	5.958.802.171	(4.232.103.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(120.166.548.001)	(68.516.940.194)
06	Chi phí lãi vay	196.311.669.273	335.861.045.260
07	Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.630.233.766	42.857.574
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	996.959.567.848	869.930.272.152
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	(570.978.932.465)	139.461.328.873
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(778.312.517.737)	417.017.642.569
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	833.343.926.072	(617.120.711.077)
12	Tăng các chi phí trả trước	(10.364.531.068)	(3.602.928.727)
13	Lãi vay đã trả	(197.977.307.958)	(341.746.932.318)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(72.472.586.000)	(21.453.868.690)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(26.422.339.778)	(9.336.896.699)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	173.775.278.914	433.147.906.083
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(483.034.671.208)	(57.038.858.220)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	23.661.877.723	3.248.224.565
27	Thu lãi tiền gửi	5.725.644.808	3.675.541.465
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(453.647.148.677)	(50.115.092.190)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(24.318.822.516)	(28.128.541.137)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	9.174.310.259.028	6.583.550.959.039
34	Chi trả nợ gốc vay	(8.414.550.209.722)	(6.877.969.336.715)
35	Chi trả thuê tài chính	(11.669.446.320)	(26.350.002.329)
36	Chi trả cổ tức	(337.811.193.325)	(96.593.160.025)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	385.960.587.145	(445.490.081.167)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	106.088.717.382	(62.457.267.274)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	62.322.761.267
61	Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi		(4.908.791.333)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	163.502.687.316
			62.322.761.267



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưỡi thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 2.765 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 2.432 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính riêng đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính riêng cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập đối với các chứng khoán vốn khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này

(b) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(c) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời gian của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**2.15 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KÉ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Tiền mặt	14.274.631.095	23.231.700.912
Tiền gửi ngân hàng	94.548.110.623	38.382.025.210
Tiền đang chuyển	54.679.945.598	709.035.145
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	163.502.687.316	62.322.761.267
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	507.280.860.674	561.878.374.848
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	954.214.268.475	289.635.970.616
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	1.461.495.129.149	851.514.345.464
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	83.310.416.718	42.020.148.804
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	90.183.227.000	90.184.182.746
	<hr/>	<hr/>
	173.493.643.718	132.204.331.550
	<hr/>	<hr/>

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	13.316.001.803	19.028.419.661
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	116.983.476.240	65.186.261.386
	<hr/>	<hr/>
	130.299.478.043	84.214.681.047
	<hr/>	<hr/>

7 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	978.344.797.756	340.678.259.856
Nguyên vật liệu	83.782.659.001	147.022.796.976
Công cụ, dụng cụ	141.008.837.842	128.830.080.317
Thành phẩm	797.033.275.564	654.483.300.362
Hàng hóa (*)	126.400.528.177	77.243.143.092
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.126.570.098.340 (890.889.816)	1.348.257.580.603 (1.785.601.272)
	<hr/>	<hr/>
	2.125.679.208.524	1.346.471.979.331
	<hr/>	<hr/>

(*) Bao gồm 15 căn hộ với giá trị 17.268.969.715 đồng có được từ việc cấn trừ khoản phải thu khác khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị là 820.719.777.712 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.070.169.056.955 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	24.941.573.704	25.348.615.065
Tăng trong năm	142.581.716.702	88.699.354.244
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	1.525.072.582	-
Tăng khác	-	36.138.876
Phân bổ trong năm	(103.147.562.579)	(89.142.534.481)
Thanh lý	(6.500.519.621)	-
Số dư cuối năm	59.400.280.788	24.941.573.704

(*) Đây là khoản điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê mặt bằng và công cụ dụng cụ.

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Ký quỹ ngắn hạn (*)	15.962.822.128	2.486.311.258
Tạm ứng cho nhân viên	4.134.704.815	4.583.483.124
	20.097.526.943	7.069.794.382

(*) Ký quỹ ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản tiền ký quỹ để mở thư tín dụng nhập khẩu hàng hóa tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	507.797.152.593	1.695.395.571.625	48.669.506.417	3.134.728.690	13.489.632.566	2.268.486.591.891
Mua trong năm	-	22.951.742.177	7.509.881.722	208.490.908	5.287.754.569	35.957.869.376
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	27.716.127.603	224.437.791.004	22.148.365.633	-	-	274.302.284.240
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(32.075.840)	(2.798.915.861)	(3.259.106.862)	(547.568.655)	-	(6.637.667.218)
Thanh lý, nhượng bán	(2.115.610.383)	(28.493.571.641)	(1.888.339.300)	-	(42.857.142)	(32.540.378.466)
Giảm khác	(33.495.248)	(303.342.950)	(15.249.545)	-	-	(352.087.743)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>533.332.098.725</u>	<u>1.911.189.274.354</u>	<u>73.165.058.065</u>	<u>2.795.650.943</u>	<u>18.734.529.993</u>	<u>2.539.216.612.080</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	81.689.087.257	422.967.159.859	24.036.816.869	2.105.916.994	2.954.221.731	533.753.202.710
Khấu hao trong năm	30.985.660.052	178.303.839.228	6.368.656.934	379.534.361	2.394.934.388	218.432.624.963
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	(13.632.300)	(1.112.658.047)	(1.262.329.036)	(342.560.166)	-	(2.731.179.549)
Thanh lý, nhượng bán	(165.322.554)	(9.646.785.759)	(192.368.220)	-	(42.857.142)	(10.047.333.675)
Giảm khác	(24.656.218)	-	(8.685.454)	-	-	(33.341.672)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>112.471.136.237</u>	<u>590.511.555.281</u>	<u>28.942.091.093</u>	<u>2.142.891.189</u>	<u>5.306.298.977</u>	<u>739.373.972.777</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	<u>426.108.065.336</u>	<u>1.272.428.411.766</u>	<u>24.632.689.548</u>	<u>1.028.811.696</u>	<u>10.535.410.835</u>	<u>1.734.733.389.181</u>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>420.860.962.488</u>	<u>1.320.677.719.073</u>	<u>44.222.966.972</u>	<u>652.759.754</u>	<u>13.428.231.016</u>	<u>1.799.842.639.303</u>

(*) Đây là khoản phân loại lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**Mẫu số B 09 - DN****10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)****(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 60.396.167.716 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 45.143.822.732 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 683.123.759.502 đồng và được Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 15.805.195.264 đồng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.183.999.995.907 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.133.687.229.165 đồng).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính**Máy móc thiết bị
VNĐ****Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	84.032.961.457
--	----------------

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	5.783.594.242
Khấu hao trong năm	7.952.953.179
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	13.736.547.421

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	78.249.367.215
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	70.296.414.036

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, tất cả tài sản thuê tài chính trên được Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động (ngày 30 tháng 9 năm 2012: Không có).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	219.528.224.817	1.390.473.734	220.918.698.551
Tăng trong năm	748.696.710	-	748.696.710
Thanh lý, nhượng bán	(2.846.052.648)	-	(2.846.052.648)
Giảm khác	(6.377.140)	-	(6.377.140)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	217.424.491.739	1.390.473.734	218.814.965.473
Khấu hao lũy kế			
Tai ngày 1 tháng 10 năm 2012	9.175.128.705	965.497.313	10.140.626.018
Khấu hao trong năm	2.553.258.718	222.022.524	2.775.281.242
Thanh lý, nhượng bán	(46.985.950)	-	(46.985.950)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	11.681.401.473	1.187.519.837	12.868.921.310
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	210.353.096.112	424.976.421	210.778.072.533
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	205.743.090.266	202.953.897	205.946.044.163

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 280.361.120 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 280.361.120 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 13.618.499.882 đồng.

Tai ngày 30 tháng 9 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 151.229.816.792 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 134.832.214.689 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	25.319.737.083	437.172.811.226
Tăng trong năm	446.328.105.122	44.599.050.044
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(2.545.310.556)	(4.923.653.232)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(274.302.284.240)	(451.528.470.955)
Số dư cuối năm	194.800.247.409	25.319.737.083

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	154.161.951.042	18.569.355.451
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	15.404.412.315	5.113.690.655

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 6.815.357.992 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 8.715.760.598 đồng).

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30.9.2013 VNĐ	Số tiền 30.9.2012 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000225 và số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 27 tháng 12 năm 2012.	100	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 49221000032 và số 3500786179 do Ban Quản Lý các Khu công nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007 và do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 3 năm 2013 .	100	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007, ngày 24 tháng 12 năm 2007, và ngày 25 tháng 4 năm 2013 .	100	16.276.000.000	16.276.000.000
				446.276.000.000	446.276.000.000

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30.9.2013	Số tiền 30.9.2012
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep ([*])	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác					
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG					
				59.456.331.634	59.456.331.634
				=====	=====

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCD/HSG/2011 ngày 16 tháng 6 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.290.140.917	47.356.517.597
Tăng trong năm	22.729.276.802	33.698.894.183
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang (Thuyết minh 10(d))	2.545.310.556	4.923.653.232
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	2.381.415.087	-
Tăng khác	127.200.500	-
Phân bổ trong năm	(32.641.637.997)	(29.688.924.095)
Thanh lý công cụ dụng cụ đang sử dụng	(12.783.942.739)	
 Số dư cuối năm	 38.647.763.126	 56.290.140.917

(*) Đây là khoản phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, máy vi tính và công cụ dụng cụ.

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.281.603.174	4.871.229.297
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.166.854.257	410.373.877
 Số dư cuối năm	 8.448.457.431	 5.281.603.174

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các chi nhánh của Công ty, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

14 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	(*)	2.468.854.540.949	1.874.783.164.492
Vay dài hạn đến hạn (Thuyết minh 14(b))		298.642.575.600	144.621.141.648
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))		11.669.446.320	11.669.446.320
Các khoản vay ngắn hạn khác	(**)	34.800.000.000	-
		<hr/> 2.813.966.562.869	<hr/> 2.031.073.752.460
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	USD	4% - 7%	211.410.740.800	397.349.294.200
2	VND	11% - 18,5%	-	66.800.000.000
3	USD	4,15% - 5,5%	317.842.593.447	132.506.031.645
4	VND	7% - 12,5%	130.280.111.484	10.007.000.000
5	USD	3,8% - 6%	441.089.851.000	256.450.792.619
6	VND	6,75% - 12%	158.246.647.827	184.210.428.571
7	USD	4,5% - 5,7%	-	115.637.056.000
8	USD	3,3% - 4%	227.817.968.103	99.490.344.783
9	VND	6,15% - 10%	150.360.360.683	28.390.000.000
10	USD	3,8% - 5%	59.957.213.921	39.573.200.000
11	USD	3,8% - 6%	56.013.170.601	13.954.760.000
12	USD	3,4% - 3,8%	15.154.363.000	-
13	USD	4,2%	25.443.265.372	-
14	USD	3,3% - 4,5%	118.899.619.612	183.498.218.052
15	VND	6,4% - 11,2%	28.700.000.000	29.400.000.000
16	USD	6,00%	-	28.364.976.082
17	USD	3,8% - 5,1%	145.515.382.898	57.818.528.000
18	USD	3,8% - 6,3%	184.507.457.516	231.332.534.540
19	VND	7% - 11,9%	12.540.583.701	-
20	USD	4,00%	34.004.044.702	-
21	USD	3,25%	48.722.541.665	-
22	USD	3,80%	102.348.624.617	-
			<hr/> 2.468.854.540.949	<hr/> 1.874.783.164.492
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

(**) Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm:

- (i) Khoản vay 8.500.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có) từ một công ty con, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 6%/năm (Thuyết minh 33(b)).
- (ii) Khoản vay 26.300.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có) từ một cá nhân, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 8%/năm và sẽ đến hạn trong tháng 12 năm 2013.

(b) Vay và nợ dài hạn

		30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	789.545.123.372	638.262.330.949
Nợ thuê tài chính	(**)	42.787.970.189	54.457.416.509
Nợ dài hạn khác	(***)	44.126.160.000	64.767.488.000
		<hr/>	<hr/>
		876.459.253.561	757.487.235.458
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(298.642.575.600)	(144.621.141.648)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(11.669.446.320)	(11.669.446.320)
		<hr/>	<hr/>
		566.147.231.641	601.196.647.490
		<hr/>	<hr/>

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
1	VND	25/9/2017	10,5% - 15%	326.339.516.000	155.288.986.000
2	USD	16/7/2019	4,15%	58.081.311.390	-
3	VND	16/7/2019	10,00%	52.220.357.395	-
4	USD	15/9/2013	7,2%	-	1.564.516.048
5	VND	11/6/2016	9,7% - 15%	212.001.916.695	290.697.516.695
6	USD	8/9/2018	1,7%	80.621.411.392	96.581.300.106
7	VND	24/10/2015	7,8% - 8,4%	21.280.000.000	35.500.000.000
8	VND	16/7/2017	11% - 16%	39.000.610.500	49.400.122.100
9	VND	26/4/2015	13% - 14%	-	9.229.890.000
				<hr/>	<hr/>
				789.545.123.372	638.262.330.949
				<hr/>	<hr/>

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính như sau:

	30.9.2013		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	15.902.131.774	4.232.685.454	11.669.446.320
Từ 1-5 năm	35.959.305.011	4.840.781.142	31.118.523.869
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	51.861.436.785	9.073.466.596	42.787.970.189
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

	30.9.2012		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	18.834.143.228	7.164.696.908	11.669.446.320
Từ 1-5 năm	54.494.608.924	11.706.638.735	42.787.970.189
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	73.328.752.152	18.871.335.643	54.457.416.509
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(***) Nợ dài hạn khác bao gồm:

- (i) Khoản nợ 1.560.000 Euro tương đương 44.126.160.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 58.267.488.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng đến tháng 5 năm 2016.
- (ii) Khoản nợ 6.500.000.000 đồng phải trả cho một công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 đã được hoàn trả trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (Thuyết minh 33(b)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Bên thứ ba	1.281.112.190.653	457.703.656.349
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	10.494.067.854	12.401.826.062
	<hr/>	<hr/>
	1.291.606.258.507	470.105.482.411
	<hr/>	<hr/>

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	11.189.715.893	46.827.168.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.764.117.495	9.566.145.650
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.520.815.664	14.496.567.330
Thuế xuất nhập khẩu	94.673	76.358.503
Thuế khác	5.354.845.684	382.552.284
	<hr/>	<hr/>
	37.829.589.409	71.348.792.426
	<hr/>	<hr/>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Điện	38.193.240	3.733.871.837
Xây dựng cơ bản dở dang	334.545.454	1.623.564.318
Chi phí vận chuyển	582.558.457	-
Chi phí kiểm toán	420.000.000	400.000.000
Chi phí lương tháng 13	12.513.797.000	9.881.678.000
Chi phí lãi vay	2.227.290.276	3.892.928.961
Chi phí phải trả khác	3.318.909.779	4.165.600.000
	<hr/>	<hr/>
	19.435.294.206	23.697.643.116
	<hr/>	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Cỗ tức phải trả	3.353.947.200	2.213.857.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.294.753.800	915.190.369
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	383.850	-
Nhận đặt cọc dự thầu	3.580.000.000	3.182.161.759
Truy thu thuế của công ty con đã giải thể	-	11.039.479.294
Phải trả khác	1.958.586.736	1.101.515.309
	<hr/> 10.187.671.586	<hr/> 18.452.204.256
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	5.225.251.199	7.946.458.110
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	14.724.134.716	6.406.734.996
Chuyển sang các quỹ khác (Thuyết minh 21)	-	(707.980.636)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21)	-	(4.055.557.395)
Sử dụng	(15.485.604.400)	(4.364.403.876)
	<hr/> 4.463.781.515	<hr/> 5.225.251.199
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**Mẫu số B 09 - DN****20 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU**

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30.9.2013	30.9.2012		
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(4.477.692)	-	(3.859.212)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	-	96.931.578	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	381.858.701.310	-	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.821.247.021.888
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	362.106.869.356	-	-	-	362.106.869.356
Chi trả cổ tức	-	-	(97.557.418.000)	-	-	-	(97.557.418.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.128.541.137)	-	(28.128.541.137)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.406.734.996)	-	-	-	(6.406.734.996)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(6.412.839.096)	6.412.839.096	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(4.972.492.823)	-	-	(4.972.492.823)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	4.055.557.395	-	-	-	4.055.557.395
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	707.980.636	-	-	707.980.636
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	637.644.135.969	2.148.326.909	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.051.052.242.319
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	605.983.715.640	-	-	-	605.983.715.640
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(338.951.283.000)	-	-	-	(338.951.283.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(24.318.822.516)	-	(24.318.822.516)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(14.724.134.716)	-	-	-	(14.724.134.716)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(10.796.142.820)	10.796.142.820	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	(10.936.735.378)	-	-	(10.936.735.378)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.007.907.900.000	451.543.290.363	879.156.291.073	2.007.734.351	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.268.104.982.349

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2012 và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 8 năm 2012, Nghị quyết số 56/NQ/HĐQT/2012 ngày 29 tháng 10 năm 2012, Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013, Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2013 ngày 14 tháng 8 năm 2013 về việc chia cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(**) Bao gồm khoản tiền 6.404.713.970 đồng Công ty chi thưởng vượt kế hoạch sản xuất trong năm cho các nhân sự quản lý chủ chốt căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 10/BB/HĐQT/2012 ngày 17 tháng 10 năm 2012, Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/BB/HĐQT/2012 ngày 12 tháng 12 năm 2012; Quyết định số 206A ngày 29 tháng 10 năm 2012, Quyết định số 1316 ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ban Tổng Giám đốc, và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông.

22 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Doanh thu		
Thành phẩm	11.082.285.583.575	9.579.445.220.466
Hàng hóa	10.006.255.167.921	3.040.385.085.979
	21.088.540.751.496	12.619.830.306.445
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(109.570.991)
Hàng bán bị trả lại	(7.828.484.379)	(13.825.512.110)
Giảm giá hàng bán	(1.873.394.687)	(390.909.075)
	(9.701.879.066)	(14.325.992.176)

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	5.725.644.808	3.675.541.465
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	58.460.323.352	52.213.284.884
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	54.978.258.214	11.487.184.884
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.327.444.838	1.485.791.618
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.419.430.597	44.723.311.247
	153.911.101.809	113.585.114.098

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Thành phẩm	9.917.599.488.276	8.586.088.509.737
Hàng hóa	9.705.909.456.779	2.789.564.991.764
	19.623.508.945.055	11.375.653.501.501

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	165.766.703.044	335.861.045.260
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.126.940.680)
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	78.527.496.767	69.331.205.669
	244.294.199.811	404.065.310.249

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	94.374.306.096	78.144.103.712
Chi phí khấu hao	15.906.158.616	17.794.064.368
Chi phí vật liệu bao bì	1.766.796.258	1.907.889.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.647.231.596	233.023.749.707
Chi phí khác	4.053.136.691	6.776.298.198
	428.747.629.257	337.646.105.793

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	134.002.109.964	103.044.831.180
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.868.071.359	4.616.984.264
Chi phí khấu hao	17.651.279.750	15.936.719.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.586.357.559	73.028.620.941
Chi phí khác	46.807.092.138	21.989.203.226
	<hr/> <hr/> 288.914.910.770	<hr/> <hr/> 218.616.359.161

27 THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Thu từ bán phế liệu	8.842.139.197	6.802.832.226
Thu từ bán công cụ dụng cụ đang sử dụng cho công ty con (Thuyết minh 33(b))	19.284.462.563	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định (*)	23.661.877.723	3.248.224.565
Thu nhập từ cho công ty con thuê hoạt động	128.195.000.000	-
Thu nhập khác	19.445.449.926	26.183.502.783
	<hr/> <hr/> 199.428.929.409	<hr/> <hr/> 36.234.559.574

(*) Bao gồm thu nhập từ thanh lý tài sản cố định cho một công ty con là 18.051.384.898 đồng (năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2012: không có).

28 CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đang sử dụng được thanh lý	19.284.462.360	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	25.292.111.489	3.291.082.139
Chi phí phát sinh từ cho thuê hoạt động (*)	111.676.913.597	-
Chi phí khác	6.972.312.081	26.792.699.378
	<hr/> <hr/> 163.225.799.527	<hr/> <hr/> 30.083.781.517

(*) Bao gồm 80.943.337.547 đồng chi phí khấu hao của tài sản cố định cho thuê hoạt động và 30.733.576.050 đồng chi phí cho thuê hoạt động khác.

29 THUẾ

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo. Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013	30.9.2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	683.487.419.228	389.258.929.720
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	170.871.854.807	58.388.839.458
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(35.391.629.919)	(13.755.469.574)
Chi phí không được khấu trừ	30.051.231.755	15.362.727.895
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	(80.124.926.735)	(27.562.434.241)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	986.723	-
Dự phòng thiểu của năm trước	544.644.387	-
Ảnh hưởng khác	(8.448.457.430)	(5.281.603.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	77.503.703.588	27.152.060.364
Trong đó:		
Thuế TNDN hiện hành	80.670.557.845	27.562.434.241
Thuế TNDN hoãn lại	(3.166.854.257)	(410.373.877)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	605.983.715.640	362.106.869.356
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	97.766.865	97.872.861
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	6.198	3.700

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	9.601.410.193.031	7.090.668.169.410
Chi phí nhân công	287.901.927.038	244.555.613.141
Chi phí khấu hao và phân bổ	142.053.821.105	201.868.400.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.076.148.179	587.851.209.315
Các chi phí khác	258.665.444.978	135.825.870.224
	10.973.107.534.331	8.260.769.262.440

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Công ty đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VND/USD và VND/EUR vì Công ty có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Công ty giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30.9.2013		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	82.459.473.159	6.331.255	82.465.804.414
Phải thu thương mại	230.532.796.358	-	230.532.796.358
Üng trước cho người bán và ký quỹ	83.003.936.948	-	83.003.936.948
	395.996.206.465	6.331.255	396.002.537.720
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(2.127.429.560.036)	(44.126.160.000)	(2.171.555.720.036)
Phải trả thương mại	(1.081.691.062.033)	-	(1.081.691.062.033)
Người mua trả tiền trước	(50.986.078.470)	-	(50.986.078.470)
	(3.260.106.700.539)	(44.126.160.000)	(3.304.232.860.539)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(2.864.110.494.074)	(44.119.828.745)	(2.908.230.322.819)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

30.9.2012			
Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ	
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	2.792.663.980	6.021.880	2.798.685.860
Phải thu thương mại	201.145.081.799	-	201.145.081.799
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	32.684.495.210	-	32.684.495.210
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	236.622.240.989	6.021.880	236.628.262.869
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.654.121.552.075)	(58.267.488.000)	(1.712.389.040.075)
Phải trả thương mại	(335.345.977.364)	-	(335.345.977.364)
Người mua trả tiền trước	(2.605.798.786)	-	(2.605.798.786)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(1.992.073.328.225)	(58.267.488.000)	(2.050.340.816.225)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.755.451.087.236)	(58.261.466.120)	(1.813.712.553.356)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VND/USD và/hoặc VND/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Công ty sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 25.060.966.823 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 16.216.106.162 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu tỷ giá VND/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 386.048.502 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 539.374.651 đồng).

(ii) Rủi ro về giá

Công ty không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Công ty không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Công ty có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Công ty đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Công ty có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VND và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đổi với các khoản vay bằng VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 9.085.805.517 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 13.026.542.571 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu lãi suất đổi với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 8.451.016.886 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 7.003.069.527 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Công ty giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối-bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

Các khoản nợ phải thu bao gồm như sau:

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 – DN

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	30.9.2013			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	1.291.606.258.507	-	-	1.291.606.258.507
Vay ngắn hạn	2.503.654.540.949	-	-	2.503.654.540.949
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	310.312.021.920	566.147.231.641	-	876.459.253.561
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	4.105.572.821.376	566.147.231.641	-	4.671.720.053.017
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

	30.9.2012			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả thương mại	470.105.482.411	-	-	470.105.482.411
Vay ngắn hạn	1.874.783.164.492	-	-	1.874.783.164.492
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	156.290.587.968	601.196.070.400	577.090	757.487.235.458
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.501.179.234.871	601.196.070.400	577.090	3.102.375.882.361
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		30.9.2013	30.9.2012
		VND	VND

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	8.623.848.678.756	2.123.440.304.032
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.522.146.927.731	1.073.740.050.090
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.361.457.252	2.940.296.181

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	8.460.722.893.071	2.280.366.978.072
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.099.873.757.571	757.690.547.533
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	344.786.101	10.298.596.751

iii) Bán tài sản cố định

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	18.051.384.898	-

iv) Mua tài sản cố định

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	24.560.590	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	564.508.053	233.794.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ

v) Các giao dịch khác

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Thu nhập từ cho thuê hoạt động	124.427.000.000	-
Mua khác	7.136.657.537	-
Bán khác	24.096.824	127.831.144
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	19.284.462.563	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu

Xây dựng Hoa Sen

Trả lại hàng bán	1.587.397.915	897.455.836
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	3.768.000.000	-
Bán khác	-	6.313.662.432
Mua khác	1.003.606.875	
Trả lại hàng mua	56.115.632	4.010.927.659
Tiền vay nhận được	-	55.190.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Mua khác	8.536.066.523	-
Chi phí lãi vay	218.583.333	-
Tiền vay trả trong năm	6.500.000.000	-
Tiền vay nhận được trong năm	8.500.000.000	1.500.000.000

vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	958.000.000	1.072.200.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	5.705.000.000	-
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	7.474.632.000	6.358.681.967
Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	2.865.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	617.103.340.689	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	337.110.927.786	289.635.970.616
	<hr/>	<hr/>
	954.214.268.475	289.635.970.616
	<hr/>	<hr/>
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc) -		
Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	955.746
	<hr/>	<hr/>
	90.183.227.000	90.184.182.746
	<hr/>	<hr/>
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)		
<i>Phải thu lợi nhuận được chia từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	58.460.323.352	52.213.284.884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	54.978.258.214	11.487.184.884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.327.444.838	1.485.791.618
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	2.216.705.836	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	744.000	-
	<hr/>	<hr/>
	116.983.476.240	65.186.261.386
	<hr/>	<hr/>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	8.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) **Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Vay dài hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	6.500.000.000
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>
Phải trả người bán (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	6.000.000.000	10.655.332.192
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	4.494.067.854	1.746.493.870
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>
	10.494.067.854	12.401.826.062
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>
Phải trả khác (Thuyết minh 18)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	383.850	-
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

35 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

(a) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	22.873.345.777	18.846.143.567
Từ 1 đến 5 năm	52.321.739.337	50.657.547.840
Trên 5 năm	176.131.828.498	148.336.057.822
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	251.326.913.612	217.839.749.229
	<u><u><u></u></u></u>	<u><u><u></u></u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Mẫu số B 09 - DN

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- (b) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty nhận được mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	106.680.000.000	-
Từ 1 đến 5 năm	423.120.000.000	-
Trên 5 năm	412.320.000.000	-
 Tổng cộng các khoản nhận được tối thiểu	 942.120.000.000	 -
	 <hr/>	 <hr/>

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.9.2013 VNĐ	30.9.2012 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	615.558.105.177	186.444.843.145
	 <hr/>	 <hr/>

Báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2013.


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc